TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **220**/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2025

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh Loan, bà Lê Thị Bích Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Khu vực 7- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh B, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn 1, xã T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hà Xuân N, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Thanh Khê, xã S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Hà Xuân N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2023 tại UBND xã Tiên Châu, nay là UBND xã S, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc ly hôn là do chồng suốt ngày nhậu nhẹt, đánh đập vợ. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn và cho nhau cơ hội nhưng không thành. Cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng bế tắc, không thể cứu vãn. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết

cho bà được ly hôn với ông Hà Xuân N.

Về con chung: Bà B khai không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các phiên hòa giải bị đơn ông Hà Xuân N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N khai vợ chồng ông kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn như bà B trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc ly hôn là do ông có đánh đập vợ như lời khai của vợ là đúng. Tuy nhiên, nay ông mong muốn vợ cho cơ hội để vợ chồng về đoàn tụ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông N khai không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh B. Về con chung: Không có nên không đề nghị giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: bà Phạm Thị Thanh B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp *"Ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hà Xuân N có nơi cư trú tại thôn Thanh Khê, xã Sơn Cẩm Hà , thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Đà Nẵng là đúng quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Hà Xuân N đến lần thứ hai nhưng ông Nở vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Nở là đúng quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh B và ông Hà Xuân N tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Cẩm Hà, thành phố Đà Nẵng vào năm 2023 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn là do ông Nở có hành vi bạo lực gia đình. ÔngN cũng thừa nhận nguyên nhân chính dẫn đến việc bàB xin ly hôn là do ông có đánh đập bàB. Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2025, bà Đỗ Thị Thu Hương-Trưởng ban công tác mặt trận thôn Thanh Khê, xã Sơn Cẩm Hà xác nhận ôngN có hành vi bạo lực gia đình. Xét thấy, ông Nở có hành vi bạo lực gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh B là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: bàB và ôngN đều khai không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh B và ông Hà Xuân N ly hôn.

Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh B phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng bà B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005330, ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Phạm Thị Thanh B đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29-12-2025); Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- UBND xã Sơn Cẩm Hà;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Trung Thành